TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-ST
Ngày: 13-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Yến Linh;

2. Bà Mai Thị Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Hồ Chí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1956; địa chỉ: K44/8G, ấp H, xã HT, thị xã HT1, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn S, sinh năm 1973 và chị Lâm Thị Diệu K, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Tổ 1X, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24-3-2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Bà có cho vợ chồng anh S, chị K vay tiền rất nhiều lần tổng cộng là 750.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 05-3-2020 Al cho vay số tiền 150.000.000 đồng,

Ngày16-5-2020 Al cho vay số tiền 100.000.000 đồng,

Ngày 13-11-2020 Al cho vay số tiền 100.000.000 đồng,

Ngày 06-12-2020 Al cho vay số tiền 200.000.000 đồng,

Ngày 13-12-2020 Al cho vay số tiền 100.000.000 đồng,

Ngày 15-12-2020 Al cho vay số tiền 100.000.000 đồng.

Khi vay chị K có ký giấy nhận nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà trình bày anh S chị K có xin bà số tiền 50.000.000 đồng và anh S, chị K có bán cho anh Nguyễn Hòa Hmột phần đất diện tích 339,1m^2 thửa 404 tờ bản đồ 44 tọa lạc tại xã B với số tiền 1.100.000.000 đồng, trong đó anh H đặt cọc số tiền 550.000.000 đồng đã khấu trừ một phần đất cho bà để trừ vào khoản nợ gốc là 500.000.000 đồng và đưa cho bà số tiền 50.000.000 đồng để cấn trừ bớt số nợ anh S, chị K nợ bà, do đó số tiền anh S chị K còn nợ lại là 150.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu anh S chị K có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 150.000.000 đồng, và khoản tiền lãi tính từ ngày 19/01/2021 (ÂL) đến nay.

Bị đơn anh Hồ Văn S trình bày:

Vợ chồng anh thừa nhận có vay của bà L tổng cộng là 750.000.000 đồng. Sau khi vay thì vợ chồng anh chưa trả cho bà L khoản tiền nào. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh xác định khấu trừ giá trị phần đất mà vợ chồng anh bán để cấn trừ vào khoản nợ là 550.000.000 đồng, đồng ý số tiền nợ gốc mà vợ chồng anh còn nợ lại bà L là 150.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 26-10-2021 vợ chồng anh đồng ý có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ gốc còn thiếu là 150.000.000 đồng và khoản tiền lãi là 9.711.000 đồng nhưng đến ngày 29-10-2021 anh S có đơn thay đổi ý kiến, không đồng ý với biên bản hòa giải thành.

Bị đơn chị Lâm Thị Diệu K trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L, buộc anh S, chị K có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà L khởi kiện anh S chị K yêu cầu trả tiền mà vợ chồng anh S chị K còn nợ, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – anh S chị K có nơi cư trú tại ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên Toà hôm nay anh S, chị K đã được cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các điều 177, 178 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh S, chị K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà L yêu cầu vợ chồng anh S chị K trả số tiền 750.000.000 đồng theo các Giấy nợ ngày 05-3-2020 Al (150.000.000 đồng), 16-5-2020 Al (100.000.000 đồng), 13-11-2020 Al (100.000.000 đồng), 06-12-2020 Al (200.000.000 đồng), 13-12-2020 Al (100.000.000 đồng), 15-12-2020 Al (100.000.000 đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án bà L xác định bà tự nguyện cho anh S chị K số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại 700.000.000 đồng và ngày 19-01-2021 Al anh S chị K đã bán cho anh Nguyễn Hòa H (con ruột bà L) một phần đất với số tiền 1.100.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tay mua bán đất, anh H đặt cọc số tiền 550.000.000 đồng, trong số tiền này các bên thống nhất khấu trừ 500.000.000 đồng theo các giấy nợ ngày 13-11-2020 Al (100.000.000 đồng), ngày 06-12-2020 Al (200.000.000 đồng), ngày 13-12-2020 Al (100.000.000 đồng), ngày 15-12-2020 Al (100.000.000 đồng), do đây là tiền của anh H đưa cho bà để bà cho anh S chị K vay nên thống nhất bán đất cho anh H để cấn trừ nợ; số tiền 50.000.000 đồng còn lại anh H trả cho bà để khấu trừ vào số tiền 200.000.000 đồng anh S chị K nợ bà theo các giấy nợ ngày 05-3-2020 Al (150.000.000 đồng), ngày 16-5-2020

Al (100.000.000 đồng). Hiện nay anh H đã khởi kiện anh S, chị K yêu cầu thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Tòa án đã thụ lý vụ án số 216/2021/TLST-DS ngày 17-11-2021. Nay bà L chỉ yêu cầu anh S chị K trả cho bà L 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luận tính từ ngày 19-01-2021 Al cho đến khi kết thúc vụ kiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng anh S chị K vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của chị K trong các giấy nợ do bà L cung cấp, Kết luận giám định số 994/KL-KTHS ngày 27-7-2021 kết luận chữ ký, chữ viết trên các giấy nợ và tài liệu mẫu so sánh là do một người ký và viết ra. Tại phiên hòa giải ngày 26-10-2021 anh S, chị K thừa nhận có nợ bà L và đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi nhưng sau đó anh S thay đổi ý kiến nên không hòa giải thành với lý do anh đặt ra là bà L cho vay với lãi suất cao và đã đồng ý cho vợ chồng anh trả số tiền 300.000.000 đồng, phần còn lại thống nhất xóa nợ, nhưng khi Tòa án hòa giải thì bà L yêu cầu phải trả đủ số tiền mà vợ anh vay của bà L nên anh thay đổi ý kiến đã hòa giải. Xét thấy, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh S và chị K; anh S, chị K, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà L, do đó cần buộc anh S chị K cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Bà L yêu cầu tính lãi từ ngày 19-01-2021 Al tương ứng ngày 02-3-2021 dương lịch, bà L cho rằng bà cho vay với mức lãi suất là 3%/tháng, anh S cho rằng cho vay với mức lãi suất 8.000 đồng – 10.000 đồng ngày, các bên có tranh chấp về lãi suất nên mức lãi suất được tính bằng 10%/năm., cụ thể: 150.000.000 đồng x 0,83% x 09 tháng 11 ngày (02-3-2021 đến 13-12-2021) = 11.651.500 đồng.

Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là đúng quy định pháp luật, buộc anh S, chị K trả cho bà L số tiền 161.651.500 đồng, trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi là 11.651.500 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí trưng cầu giám định chữ ký chữ viết chị của chị Lâm Thị Diệu K là 2.100.000 đồng, bà L đã nộp tạm ứng, kết quả trưng cầu giám định xác định chữ ký chữ viết là của chị K nên cần buộc anh S, chị K hoàn trả cho bà L số tiền 2.100.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì

bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm khi toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể: anh S chị Kphải chịu: 161.651.500 đồng x 5% = 8.083.075 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L đối với anh Hồ Văn S và chị Lâm Thị Diệu K về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Hồ Văn S và chị Lâm Thị Diệu K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 161.651.500 (một trăm sáu mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi mốt ngàn năm trăm) đồng, trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi là 11.651.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Hồ Văn S, chị Lâm Thị Diệu K có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 2.100.000 đồng chi phí trưng cầu giám định.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh S, chị K phải chịu 8.083.075 đồng *(tám triệu không trăm tám mươi ba ngàn không trăm bảy mươi lăm)* đồng.

Bà L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S, chị K được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thơ